|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG TRỊ**Số: /2024/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số**

**chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2018-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Căn cứ Nghị định số 48/2024-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số*[*41/2017/TT-BTTTT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/thong-tu-41-2017-tt-btttt-su-dung-chu-ky-so-cho-van-ban-dien-tu-trong-co-quan-nha-nuoc-370856.aspx)*ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày / /2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ Thông tin và Truyền thông;- Ban Cơ yếu Chính phủ;- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Cổng TTĐT tỉnh (*để đăng công báo*);- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH Quảng Trị;- Lưu: VT, KGVX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG TRỊ****DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ**

**trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

# Chương IQUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số, chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

2. Quy chế này không quy định việc sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và các văn bản khác theo quy định của pháp luật.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan (bao gồm: Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan nhà nước) và các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chữ ký số: được hiểu là chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:

a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa;

b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

2. Chứng thư số: là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của một cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng.

3. Thuê bao: là cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số, chấp nhận chứng thư số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số được cấp đó.

4. Thiết bị lưu khóa bí mật: Là thiết bị vật lý chứa chứng thư số và khóa bí mật của thuê bao.

5. Khóa bí mật con dấu: là khóa bí mật tương ứng với chứng thư số cơ quan, tổ chức.

6. Khóa bí mật cá nhân: là khóa bí mật tương ứng với chứng thư số cá nhân.

7. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp: là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng thuộc các cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp quản lý các thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

**Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Cản trở các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số.

2. Không được dùng các công cụ, chương trình phần mềm hay bất cứ hình thức nào khác làm thay đổi dữ liệu hoặc làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

3. Cản trở, thay đổi, làm sai lệch hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận văn bản điện tử đã ký số.

4. Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hạ tầng công nghệ về giao dịch điện tử.

5. Trực tiếp hoặc gián tiếp phá hoại hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; cản trở hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số; làm giả hoặc hướng dẫn người khác làm giả chứng thư số.

6. Trộm cắp, gian lận, làm giả, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép chữ ký số và thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

7. Sử dụng chữ ký số nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc tiến hành các hoạt động khác trái với pháp luật, đạo đức xã hội.

# Chương II

# QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, CHỨNG THƯ SỐ CHUYÊN DÙNG CHÍNH PHỦ

## Điều 5. Thẩm quyền quản lý thuê bao trong các cơ quan, tổ chức nhà nước

##  Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 thực hiện trách nhiệm của người quản lý thuê bao chữ ký số, chứng thư số được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## Điều 6. Nguyên tắc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số

1. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước nếu áp dụng chữ ký số thì sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Trường hợp các cơ quan nhà nước đang sử dụng chữ ký số công cộng phải có kế hoạch chuyển sang sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Chữ ký số của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo đúng thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và chức danh được cấp chứng thư số.

3. Chữ ký số phải được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

## Điều 7. Cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, thu hồi và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

Thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11 Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Cụ thể như sau:

**1. Cấp mới chứng thư số cho cá nhân**

a) Cá nhân có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**2. Cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức**

a) Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp chứng thư số theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**3. Cấp mới chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm**

a) Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của thiết bị, dịch vụ, phần mềm có văn bản đề nghị cấp chứng thư số theo Mẫu 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 06 tại Phụ lục ban hành Quyết định này đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**4. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số**

a) Thuê bao có văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Mẫu 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Mẫu 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**5. Thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật**

**5.1 .Thu hồi chứng thư số**

a) Thuê bao có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo Mẫu 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**5.2. Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật**

a) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi, bàn giao cho Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin. Biên bản giao, nhận thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi theo Mẫu 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Trong trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải lập biên bản xác nhận theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi ngay về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

**6.** **Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật**

a) Thuê bao có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đến Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị.

## Điều 8. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giao cho Văn thư cơ quan quản lý, sử dụng thiết bị lưu khoá bí mật của cơ quan, tổ chức để ký số các văn bản điện tử do cơ quan, tổ chức ban hành và bản sao từ văn bản giấy sang văn bản điện tử.

2. Văn thư cơ quan có trách nhiệm bảo quản an toàn thiết bị lưu khoá bí mật của cơ quan, tổ chức tại trụ sở cơ quan, tổ chức mình. Chỉ giao thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức cho người khác khi được phép bằng văn bản của người có thẩm quyền. Việc bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức phải được lập biên bản.

3. Thiết bị lưu khóa bí mật của cá nhân do chính cá nhân đó tự bảo quản an toàn và không được tiết lộ mật khẩu hoặc để người khác sử dụng thiết bị của mình.

## Điều 9. Ký số vào văn bản điện tử

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện ký số vào văn bản điện tử được xử lý, gửi, nhận trên hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống thông tin khác theo đúng quy trình, đúng thẩm quyền và chức danh được cấp chứng thư số.

2. Người có thẩm quyền ký số trên văn bản điện tử sử dụng khóa bí mật cá nhân để thực hiện ký số vào văn bản điện tử.

3. Văn thư được giao sử dụng khóa bí mật con dấu của cơ quan mình để thực hiện ký số vào văn bản điện tử.

4. Vị trí, hình ảnh, thông tin chữ ký số trên văn bản điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

## Điều 10. Kiểm tra chữ ký số trên văn bản điện tử

Thực hiện kiểm tra chữ ký số trên văn bản điện tử theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số [41/2017/TT-BTTTT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/thong-tu-41-2017-tt-btttt-su-dung-chu-ky-so-cho-van-ban-dien-tu-trong-co-quan-nha-nuoc-370856.aspx) ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.

## Điều 11. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử được ký số

1. Văn bản điện tử được ký số với loại chữ ký số của cá nhân đã được xác thực hợp lệ thì có giá trị tương đương với văn bản giấy có chữ ký tay của cá nhân đó.

2. Văn bản điện tử được ký số với loại chữ ký số của cơ quan, tổ chức đã được xác thực hợp lệ thì có giá trị tương đương với văn bản giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

3. Văn bản điện tử được ký số với loại chữ ký số của cá nhân và chữ ký số của cơ quan, tổ chức đã được xác thực hợp lệ thì có giá trị tương đương với văn bản giấy có chữ ký tay và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

4. Văn bản điện tử được ký số theo quy định của pháp luật và được gửi, nhận qua các hệ thống thông tin: Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các hệ thống thông tin khác của tỉnh có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy.

5. Chữ ký số chỉ có giá trị pháp lý khi tồn tại ở dạng văn bản điện tử được ký số hợp lệ:

a) Văn bản điện tử được quét từ văn bản giấy có chữ ký tay và đóng dấu cơ quan, tổ chức được ký số với loại chữ ký số cơ quan, tổ chức được xác thực hợp lệ thì vẫn có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy có chữ ký tay và đóng dấu của cơ quan đó;

b) Văn bản là bản giấy được in hoặc phô tô từ văn bản điện tử có chữ ký số thì không có giá trị pháp lý.

# Chương III

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên trách giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số [185/2019/TT-BQP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/thong-tu-185-2019-tt-bqp-quan-ly-su-dung-dich-vu-chung-thuc-chu-ky-so-chuyen-dung-chinh-phu-430756.aspx).

2. Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các quy định có liên quan đến công tác quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

3. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hồ sơ gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin đề nghị cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, thu hồi chứng thư số và gửi Sở Thông tin và Truyền thông đối với thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo quy định.

4. Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số trên : Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các hệ thống thông tin khác.

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật và việc thực hiện các quy định trong Quy chế này của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

6. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí đào tạo, tập huấn sử dụng chữ ký số, tích hợp tính năng ký số vào các phần mềm, hệ thống thông tin của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng chữ ký số, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Thống kê, theo dõi việc sử dụng chữ ký số, chứng thư số trên địa bàn tỉnh; thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp được quy định tại Điều 15 Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, triển khai sử dụng có hiệu quả chứng thư số, chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; thực hiện ký số vào văn bản điện tử và gửi, nhận văn bản điện tử được ký số theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tiếp nhận chứng thư số, cài đặt phần mềm ký số và hướng dẫn sử dụng ký số cho cá nhân được cấp chứng thư số.

4. Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, địa phương mình đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trang bị hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu để thực hiện ký số, lưu trữ văn bản điện tử, phục vụ khai thác và sử dụng văn bản điện tử theo quy định.

6. Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký, quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ và ký số vào văn bản điện tử theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, địa phương mình gửi theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cấp chứng thư số, giao quản lý chứng thư số cơ quan, tổ chức

1. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin để thực hiện các thủ tục tại Điều 8 của Quy chế này theo các quy định về trách nhiệm của thuê bao tại Điều 17 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Đối với thuê bao là cơ quan, tổ chức nhà nước phải có văn bản bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho cá nhân được phân công làm nhiệm vụ quản lý mộc dấu, văn thư, cá nhân có trách nhiệm sử dụng theo quy định; đảm bảo an toàn việc sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức.

3. Đối với thuê bao là cá nhân có trách quản lý thiết bị lưu khóa bí mật của mình và tuyệt đối không đưa, cung cấp thiết bị cho người không có thẩm quyền sử dụng.

4. Lưu trữ quản lý thiết bị chữ ký số và sử dụng khóa bí mật phải bảo đảm an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng. Trong trường hợp thất lạc thiết bị phải báo ngay cho cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục thu hồi.

5. Không được dùng các công cụ, chương trình hay bất cứ hình thức nào khác làm thay đổi dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

6. Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan quản lý nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

## 7. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được giao sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, tổ chức: Không giao thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức cho người khác khi chưa được sử đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền. Trường hợp thay đổi người quản lý thiết bị lưu khóa bí mật theo phân công của người có thẩm quyền, phải làm thủ tục bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật và phải lập thành biên bản.

## Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức

1. Chịu trách nhiệm cài đặt phần mềm ký số, cập nhật phiên bản phần mềm ký số mới (nếu có), hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trong quá trình sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức được cấp chứng thư số tại cơ quan, tổ chức.

2. Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin tại cơ quan, tổ chức mình.

3. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật của thiết bị, phần mềm của cơ quan, tổ chức khi được giao, đảm bảo đúng các quy định trong Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

4. Tham gia các chương trình tập huấn, hướng dẫn về quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số do Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tổ chức.

## Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày //2024*

*của UBND tỉnh Quảng Trị )*

**Mẫu 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

**ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO CÁ NHÂN**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa):…………………………Giới tính:…□… Nam …□…. Nữ

Ngày sinh: ……../……./………….. Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:………………Ngày cấp:………..Nơi cấp:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (1):

Cơ quan, tổ chức công tác:

Địa chỉ:

Chức vụ:

Số điện thoại di động:……………………

SIM PKI (2):

Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có): …………… Ngày cấp:…… Ngày hết hạn:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |
|  | **Người khai***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).*

*(2) SIM PKI là thiết bị thẻ SIM điện thoại có chức năng lưu khóa bí mật phục vụ ký số dữ liệu trên thiết bị di động đảm bảo an toàn. Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu “cs” (Ví dụ: Viettel/cs).*

**Mẫu 02**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| <Số, ký hiệu>V/v đề nghị cấp chứng thư số cho cá nhân | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

**1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (thiết bị lưu khóa bí mật):**

- Họ và tên:………………………Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………..Ngày cấp:…………Nơi cấp:

- Chức vụ:………………………..Số điện thoại di động:…………………………Địa chỉ thư điện tử công vụ:

- Địa chỉ tiếp nhận: <*Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác*>.

**2. Số lượng và danh sách đăng ký:** *<Tổng số cá nhân đăng ký>*, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu;Ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thư điện tửcông vụ (1) | Tên cơ quan, tổ chứccông tác | Tỉnh/Thành phố (2) | Chức vụ | Số điệnthoại di động | Số hiệu chứng thư số cũ(nếu có) | SIM PKI (3) |
| 01 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 02 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT,… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (4)***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cá nhân được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).*

*(2) Tỉnh/Thành phố của cơ quan, tổ chức công tác.*

*(3) Nếu Thuê bao muốn đăng ký sử dụng SIM PKI thì điền thông tin nhà mạng viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone); Thuê bao muốn chuyển số đang sử dụng sang SIM PKI thì ghi thêm ký hiệu “cs” (Ví dụ: Viettel/cs).*

*(4) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 03**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Tên cơ quan, tổ chức được cấp chứng thư số:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Mã quan hệ ngân sách:

Tỉnh/Thành phố:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (1):

Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có): ……… Ngày cấp: ………Ngày hết hạn:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …***Người quản lý chứng thư số***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức sử dụng chứng thư số được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmai*

**Mẫu 04**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| <Số, ký hiệu>V/v đề nghị cấp chứng thư số cho cơ quan, tổ chức | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

**1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (thiết bị lưu khóa bí mật):**

- Họ và tên:………………………Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………..Ngày cấp:…………Nơi cấp:

- Chức vụ:………………………..Số điện thoại di động:…………………………Địa chỉ thư điện tử công vụ:

- Địa chỉ tiếp nhận: <*Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác*>.

**2. Số lượng và danh sách đăng ký:** *<Tổng số cơ quan, tổ chức đăng ký>*, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên cơ quan,tổ chức | Địa chỉ | Mã số thuế | Mã quan hệ ngân sách | Tỉnh/Thành phố (1) | Địa chỉthư điện tử công vụ (2) | Số hiệu chứng thư số cũ (nếu có) |
| 01 |  |  |  |  |  |  |  |
| 02 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT,… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (3)***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

 *(1) Tỉnh/Thành phố của cơ quan, tổ chức.*

*(2) Địa chỉ hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức sử dụng chứng thư số được cấp bởi cơ quan nhà nước (không sử dụng các địa chỉ thư điện tử gmail, yahoo, hotmail...).*

*(3) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 05**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ CHO THIẾT BỊ, DỊCH VỤ, PHẦN MỀM**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Loại chứng thư số (1):

Tên chứng thư số (2):

Cơ quan, tổ chức (3):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm* **Người quản lý chứng thư số***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Các loại chứng thư số Web Server (SSL), VPN Server, Mail Server, Code Signing ... thuộc quyền sở hữu của cơ quan, tổ chức.*

*(2) Tên đăng ký chứng thư số được khai báo theo thứ tự ưu tiên như sau: Tên miền hoặc địa chỉ IP hoặc Tên thiết bị.*

*(3) Cơ quan, tổ chức quản lý thiết bị, dịch vụ, phần mềm.*

**Mẫu 6**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**< CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *<Số, ký hiệu>**V/v đề nghị cấp chứng thư số cho dịch vụ công* | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

*Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.*

**1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):**

- Họ và tên:………………………Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………..Ngày cấp:…………Nơi cấp:

- Chức vụ:………………………..Số điện thoại di động:…………………………Địa chỉ thư điện tử công vụ:

- Địa chỉ tiếp nhận: <Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác>.

**2. Số lượng và danh sách đăng ký:** <Tổng số chứng thư số đăng ký>, gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại chứng thư số (1) | Tên chứng thư số (2) | Cơ quan, tổ chức (3) |
| 01 |  |  |  |
| 02 |  |  |  |
| … |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT,… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (4)***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Chứng thư số phục vụ dịch vụ công.*

*(2) Tên Bộ phận Một cửa.*

*Ví dụ: Bộ phận Một cửa số 1 huyện Hoài Đức; Bộ phận Một cửa số 2 huyện Hoài Đức.*

*(3) Cơ quan, tổ chức quản lý Bộ phận Một cửa.*

*(4) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 07**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ NGHỊ GIA HẠN, THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

**I. Thông tin chứng thư số:**

Loại chứng thư số: 🞏 Cá nhân 🞏 Cơ quan, tổ chức 🞏 Thiết bị, dịch vụ, phần mềm

Tên chứng thư số (1):

Số điện thoại di động (2):

Số hiệu chứng thư số:……………..Ngày cấp:…………Ngày hết hạn:

Địa chỉ thư điện tử công vụ (3):

**II. Thông tin đề nghị (4):**

1. Gia hạn chứng thư số: 🞏

2. Thay đổi nội dung thông tin chứng thư số: 🞏

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin cần thay đổi | Thông tin mới |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …***Người quản lý chứng thư số***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.*

*(3) Địa chỉ thư điện tử công vụ thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(4) Gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin hoặc gia hạn và thay đổi nội dung thông tin.*

**Mẫu 08**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**< CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| <Số, ký hiệu>V/v đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

**1. Thông tin người tiếp nhận chứng thư số (Thiết bị lưu khóa bí mật):**

- Họ và tên:………………………Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………..Ngày cấp:…………Nơi cấp:

- Chức vụ:………………………..Số điện thoại di động:…………………………Địa chỉ thư điện tử công vụ:

- Địa chỉ tiếp nhận: <*Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác*>.

**2. Số lượng và danh sách đăng ký:** *<Tổng số chứng thư số đăng ký>*, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chứng thư số (1) | Số hiệu chứng thư số  | Địa chỉ thư điện tử công vụ | Số điện thoại di động (2) | Thông tin cần thay đổi (3) | Thông tin mới (4) | Dịch vụ yêu cầu (5) |
| Gia hạn (6) | Thay đổi thông tin (7) |
| 01 |  |  |  |  |  |  | 🞏 | 🞏 |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT,… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (8)** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đối với SIM PKI.*

*(3) và (4) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.*

*(5) Nếu đăng ký gia hạn chứng thư số đánh dấu* “*×*” *vào ô vuông* “🞏” *trống tại cột (6); nếu đăng ký thay đổi nội dung thông tin chứng thư số đánh dấu* “*×*” *vào ô vuông* “🞏” *trống tại cột (7); Nếu đăng ký cả gia hạn và thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thì đánh dấu* “*×*” *vào ô vuông* “🞏” *trống tại cột (6) và (7).*

*(8) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 09**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯**

**ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa): ………………………..Giới tính:…□… Nam …□…. Nữ

Ngày sinh: …….…….. Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: …………… Ngày cấp:……………Nơi cấp:

Chức vụ:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:

**Đề nghị thu hồi chứng thư số:**

Tên chứng thư số (1):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (2): …………… Ngày cấp:……………Nơi cấp:

Mã số thuế (3):

Mã quan hệ ngân sách (4):

Địa chỉ thư điện tử công vụ (5):

Số hiệu chứng thư số:

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

Số điện thoại di động (6):

Lý do thu hồi:

|  |  |
| --- | --- |
|   | *<Địa danh>, ngày…. tháng ... năm …..***Người khai** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.*

*(3), (4) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.*

*(5) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(6) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.*

**Mẫu 10**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**< CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| <Số, ký hiệu>V/v đề nghị thu hồi chứng thư số | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

**1. Thông tin đầu mối phối hợp thu hồi Thiết bị lưu khóa bí mật:**

- Họ và tên:………………………Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………..Ngày cấp:…………Nơi cấp:

- Chức vụ:………………………..Số điện thoại di động:…………………………Địa chỉ thư điện tử công vụ:

- Địa chỉ thu hồi: <*Chi tiết địa chỉ của cơ quan, tổ chức công tác*>.

**2. Số lượng và danh sách thu hồi:** *<Tổng số chứng thư số đề nghị thu hồi>*, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chứng thư số | Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu;Ngày cấp, nơi cấp (1) | Mã số thuế (2) | Mã quan hệ ngân sách (3) | Địa chỉ thư điện tử công vụ (4) | Số hiệuchứng thư số | Số hiệu thiết bị lưu khóabí mật | Số điện thoại di động (5) | Lý dothu hồi |
| 01 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 02 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT,… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (6)***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cá nhân.*

*(2), (3) Trường hợp thu hồi chứng thư số của cơ quan, tổ chức.*

*(4) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(5) Trường hợp thu hồi chứng thư số đối với SIM PKI.*

*(6) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯**

**ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC THIẾT BỊ LƯU KHÓA BÍ MẬT**

Kính gửi: <Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp>.

Họ và tên (chữ in hoa): ………………………..Giới tính:…□… Nam …□…. Nữ

Ngày sinh: …….…….. Nơi sinh:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………. Ngày cấp:……….. Nơi cấp:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Chức vụ:

Số điện thoại di động:

**Đề nghị khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật:**

Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:...........................................

Tên chứng thư số (1):

Địa chỉ thư điện tử công vụ (2):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …***Người khai** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Địa chỉ thư điện tử của Thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

**Mẫu 12**

|  |  |
| --- | --- |
| <CƠ QUAN CHỦ QUẢN>**<CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP>** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| <Số, ký hiệu>V/v đề nghị khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật | *<Địa danh>, ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

**1. Thông tin về Thiết bị lưu khóa bí mật cần khôi phục:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật | Thông tin của thuê bao |
| Tên chứng thư số (1) | Cơ quan, tổ chức công tác | Địa chỉ thư điện tử công vụ |
| 01 |  |  |  |  |
| 02 |  |  |  |  |

**2. Thông tin về người phối hợp hỗ trợ khôi phục Thiết bị lưu khóa bí mật:**

Họ và tên:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:…………………………….Ngày cấp:…………………Nơi cấp:

Cơ quan, tổ chức công tác:

Số điện thoại di động:………………………………………Số điện thoại cơ quan:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT… | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (2)***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |  |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao là người đứng đầu các tổ chức Cơ yếu trực thuộc.*

**Mẫu 14**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***<Địa danh>, ngày … tháng … năm …*  |

**BIÊN BẢN GIAO/NHẬN THIẾT BỊ LƯU KHÓA BÍ MẬT SAU KHI**

**CHỨNG THƯ SỐ HẾT HẠN SỬ DỤNG HOẶC CHỨNG THƯ SỐ BỊ THU HỒI**

**1. Bên giao:**

Ông/Bà:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………. Ngày cấp:………Nơi cấp:

Chức vụ:

Cơ quan, tổ chức công tác:

**2. Bên nhận:**

Ông/Bà:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………. Ngày cấp:………Nơi cấp:

Chức vụ:

Cơ quan, tổ chức công tác:

**3. Địa điểm giao/nhận:**

**4. Danh sách Thiết bị lưu khóa bí mật thu hồi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chứng thư số (1)** | **Cơ quan, tổ chức** | **Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |

Hai bên thống nhất các nội dung giao/nhận như trên.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN GIAO** | **BÊN NHẬN** |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

**Mẫu 15**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN THẤT LẠC THIẾT BỊ LƯU KHÓA BÍ MẬT**

Kính gửi: Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ.

Hôm nay, ngày......tháng......năm 20...

Tại:

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp:**

1. Họ và tên:

2. Chức vụ:

3. Cơ quan, tổ chức công tác:

4. Địa chỉ:

**II. Người quản lý Thiết bị lưu khóa bí mật:**

1. Họ và tên:

2. Ngày sinh:

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.................Ngày cấp:..............Nơi cấp:

4. Cơ quan, tổ chức công tác:

5. Số điện thoại di động:

Chúng tôi xác nhận việc Ông (bà):

**Đã làm thất lạc Thiết bị lưu khóa bí mật có thông tin như sau**

- Tên chứng thư số (1):

- Số hiệu chứng thư số:

- Số hiệu Thiết bị lưu khóa bí mật:

- Địa chỉ thư điện tử công vụ (2):

- Lý do thất lạc:

Chúng tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thất lạc Thiết bị lưu khóa bí mật nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người quản lý Thiết bị lưu khóa bí mật** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Người đứng đầu Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức hoặc thiết bị, dịch vụ, phần mềm đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*

*(2) Địa chỉ thư điện tử của thuê bao đã đăng ký trong đề nghị cấp chứng thư số.*